

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 03/8/2022.

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phi Yến

Ông: Hoàng Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tráng là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Soa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐST- HNGĐ ngày 21/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 2, Ấp X, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Phương T, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Phương T kết hôn vào tháng 12/1974 có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vợ chồng sống hạnh phúc được được thời gian đầu, đến tháng 7/1988 thì cuộc sống vợ chồng có nhiều rạn nứt nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tình cảm vợ chồng là không còn, bà Nguyễn Thị L đề nghị Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Phương T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 15/4/1976 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/01/1984. Hiện nay cả hai người con con đã trên 18 tuổi trưởng thành bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn ông Nguyễn Phương T:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị L sống chung như vợ chồng từ năm 1974, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vợ chồng sống ly thân khoảng vào năm 1990 đến nay. Tình cảm vợ chồng là không còn, bà Nguyễn Thị L xin ly hôn thì ông Nguyễn Phương T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con là Nguyễn Thị N, sinh ngày 15/4/1976 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/01/1984. Hiện nay cả hai người con đã trên 18 tuổi trưởng thành và không liên quan gì đến ông, nên ông Nguyễn Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ: Ông Nguyễn Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn; bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Phương T.

Về nuôi con chung: Các con đã trên 18 tuổi trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về chia tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Phương T được xác lập vào năm 1974, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mặc dù bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Phương T không có đăng ký kết hôn, nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Phương T được xác lập trước ngày 03/01/1987 và hôn nhân của họ chưa chấm dứt, theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và hướng dẫn tại án lệ số 41/2021/AL ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân Tối cao thì họ vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà Nguyễn Thị L xin ly hôn thì ông Nguyễn Phương T cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Phương T chỉ tồn tại về mặt hình thức, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1988 đến nay, thực chất tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, xử cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phương T là đúng với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con là Nguyễn Thị N, sinh ngày 15/4/1976 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/01/1984. Hiện nay cả hai người con con đã trên 18 tuổi trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Phương T.

Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- UBND xã Đại Đồng, H. T/Chương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

